

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PH  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 16/01/2024

Về vụ: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Nhật.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Siêng và bà Nguyễn Thị Hồng Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Tuyết Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “*tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2023, giữa:

*Nguyên đơn:* Ông **Lê Hữu T**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn LP, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Bà **Đào Thị Minh H**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn PT 1, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Lê Hữu T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hữu T và bà Đào Thị Minh H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 7 năm 2009 tại UBND xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã HT, huyện PH. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống. Đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bà H chơi cờ bạc, bỏ đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình, chồng con, vợ chồng đã không liên lạc với nhau hơn 01 năm, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, để ổn định cuộc sống ông T yêu cầu Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng ông T, bà H có chung 03 con chung tên Lê Đào Thùy T1, sinh ngày: 21/4/2009, Lê Đình T2, sinh ngày: 01/9/2010 và Lê Ngọc

D, sinh ngày: 20/3/2013. Hiện nay ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung. Khi ly hôn, ông T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà Đào Thị Minh H đã được Tòa án tổng đạt và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do từ khi thụ lý cho đến khi xét xử vụ án nên không có ý kiến trình bày.*

Tòa án nhân dân huyện PH không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

#### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn ông Lê Hữu T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Đào Thị Minh H; yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn bà H vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho ông T được ly hôn với bà H; Về con chung: Hiện nay do ông T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, bà H bỏ đi đâu không rõ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 03 con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Nguyên đơn ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Đào Thị Minh H và bị đơn có nơi cư trú tại xã HT, huyện PH. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H nhưng bà H vắng mặt suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Hữu T và bà Đào Thị Minh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã HT theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 01/7/2009 nên hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp. Ông T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gia đình hai bên đều biết nhưng không hòa giải được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà H đã bỏ nhà đi làm ăn xa ở đâu không rõ, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2022 đến nay và không liên lạc với nhau, ông T không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án xác định gia đình bà H có nhận được giấy triệu tập, Thông báo của Tòa án, bà H biết ông T có đơn xin ly hôn nhưng không có ý kiến trình bày, không có biện pháp gì để duy trì hôn nhân thể hiện sự bỏ mặc. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Lê Hữu T và bà Đào Thị Minh H đã mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Lê Hữu T được ly hôn với bà Đào Thị Minh H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa ông Lê Hữu T và bà Đào Thị Minh H có 03 con chung tên Lê Đào Thùy T1, sinh ngày: 21/4/2009, Lê Đình T2, sinh ngày: 01/9/2010 và Lê Ngọc D, sinh ngày: 20/3/2013. Từ khi vợ chồng không sống chung với nhau, ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung; ông Thọ có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, để ổn định cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của 03 con chung, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 03 con chung cho ông Lê Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hữu T đã được giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của người không trực tiếp nuôi con nhưng ông T không yêu cầu bà Đào Thị Minh H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hữu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị

quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. *Quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hữu T, cho ông Lê Hữu T được ly hôn với bà Đào Thị Minh H.

2. *Về con chung:* Giao 03 con chung tên Lê Đào Thùy T1, sinh ngày: 21/4/2009, Lê Đình T2, sinh ngày: 01/9/2010 và Lê Ngọc D, sinh ngày: 20/3/2013 cho ông Lê Hữu T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đào Thị Minh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản:* Ông Lê Hữu T không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Lê Hữu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại phiếu thu số 0010172 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên nên ông T đã nộp đủ.

5. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- UBND xã HT  
(Số 88 ngày 01/7/2009);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Minh Nhật**